TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 23 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Hồng Nh, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT: Tổ 11B, khu 2A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh QN; nơi tạm trú: Thôn Đồng Mới, xã LL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh L, sinh năm 1973; quốc tịch: Hàn Quốc; địa chỉ: #138 Changyeong-dong, Dong-gu, Incheon, Hàn Quốc; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị Hà Thị Hồng Nh trình bày:

Chị và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh QN. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống ở nhà chị Nh một thời gian ngắn, sau đó anh L quay trở lại Hàn Quốc để sinh sống. Trong thời gian đó anh L không làm thủ tục bảo lãnh cho chị Nh sang

Hàn Quốc đoàn tụ. Từ đó, vợ chồng anh chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, bất đồng về ngôn ngữ. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị Hà Thị Hồng Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong các bản tự khai, bị đơn anh L trình bày:

Anh thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Hà Thị Hồng Nh. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Anh và chị Hà Thị Hồng Nh không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị Hà Thị Hồng Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đơn của anh L được hợp pháp hoá lãnh sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh L hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nguyên đơn chị Hà Thị Hồng Nh hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Hà Thị Hồng Nh và bị đơn anh L đều vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Hồng Nh và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh QN vào ngày 27 tháng 4 năm 2018. Theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh L đã trở về Hàn Quốc và từ đó không trở lại Việt Nam. Chị Nh và anh L đều thừa nhận giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn do khác biệt về ngôn ngữ, tính cách và sống xa cách nhau, không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị

Nh và anh L đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị Hà Thị Hồng Nh và anh L đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đề nghị ly hôn của chị Hà Thị Hồng Nh.

[4] Về con chung: Chị Hà Thị Hồng Nh và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Hà Thị Hồng Nh và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Hồng Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Hồng Nh và anh L được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Hồng Nh:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Hồng Nh và anh L được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Hà Thị Hồng Nh và anh L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Hà Thị Hồng Nh và anh L tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Hồng Nh phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0000142 ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hà Thị Hồng Nh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Hà Thị Hồng Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hạ Long, QN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Thúy Hà